



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kỹ thuật & Kiểm soát Chất lượng**
Laboratory: Technical & Quality control Department

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**
Organization: Western Saigon Beer Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: **VILAS 985**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Sinh, Hóa**
Biological, Chemical

Người quản lý:
Laboratory manager: **Nguyễn Thị Ánh Mai**
Nguyen Thi Anh Mai

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 29/12/2030**

Địa chỉ:
Address: **Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**
Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam

Địa điểm:
Location: **Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**
Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **(+84) 292 3 843 333**

Email: **kscl@wsb-sabeco.com.vn**

Website: **wsb-sabeco.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 985****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Định lượng vi khuẩn Coliform và <i>Escherichia coli</i> Phương pháp lọc màng <i>Enumeration of Coliform and Escherichia coli bacteria Membrane filtration method</i>		ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016
2.	Bia <i>Beer</i>	Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1:2015
3.		Định lượng nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95 <i>Enumeration of yeast and moulds. Colony count technique in products with water activity greater than 0,95</i>		TCVN 8275-1:2010

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia
- ISO: *International Organization for Standardization*
- Amd: Phần bổ sung/*Amendment*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 985

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2~12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định Độ đục <i>Determination of Turbidity</i>	(0,1~4.000) NTU	TCVN 12402-1:2020
3.		Xác định độ kiềm tổng số và độ kiềm composit <i>Determination of Total and composite alkalinity</i>	0,4 °F (Tương đương <i>equivalent</i> 4 mg/L)	TCVN 6636-1:2000
4.		Xác định hàm lượng Clorua Chuẩn độ bạc nitrate với chỉ thị màu cromat (phương pháp MO) <i>Determination of chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5 mg/L	TCVN 6194:1996
5.		Xác định hàm lượng tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum calcium and magnesium content EDTA titrimetric method</i>	0,4 °F (Tương đương <i>equivalent</i> 4 mg/L)	TCVN 6224:1996
6.	Bia <i>Beer</i>	Xác định trị số Iodine Phương pháp quang phổ <i>Determination of Iodine index Spectroscopic method</i>	0,04	Mebak B-400.04.110 (2020)
7.		Xác định độ đắng <i>Determination of Bitterness</i>	6,3 BU	Analytica EBC Method 9.8 (2020)
8.		Xác định hàm lượng cồn Phương pháp quang phổ cận hồng ngoại <i>Determination of Alcohol content Near infrared spectroscopy method</i>	(0,37~8,77) % (v/v)	Analytica EBC Method 9.2.6 (2008)
9.		Xác định hàm lượng CO ₂ Phương pháp giãn nở thể tích <i>Determination of CO₂ content Volume expansion method</i>	(3,47~6,2) g/L	Analytica EBC Method 9.28.5 (2008)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 985**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
10.	Bia Beer	Xác định hàm lượng Diacetyl và các chất Dixeton khác <i>Determination of Diacetyl and Diketones content</i>	0,04 mg/L	Analytica EBC Method 9.24.1 (2004)
11.		Xác định độ bền bọt Sử dụng máy đo NIBEM-T <i>Determination of Foam Stability NIBEM- T meter method</i>	(5~500) s	Analytica EBC Method 9.42 (2004)
12.		Xác định độ hòa tan nguyên thủy <i>Determination of Original extract</i>	0,21 % w/w	Mebak B-590.09.900 (2020) Mebak B-590.10.181 (2020)
13.		Xác định độ hòa tan biểu kiến, độ hòa tan thực. <i>Determination of Apparent extract, Real extract</i>	0,13 % w/w	Mebak B-590.09.900 (2020) Mebak B-590.10.181 (2020)

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia
- MEBAK: Trung tâm phân tích bia Châu Âu/*The Mitteleuropäische Brautechnische Analysenkommision eV (Central European Commission for Brewing Analysis)*
- EBC: Hiệp hội phân tích của các Nhà máy Bia Châu Âu được chứng nhận bởi Ban phân tích EBC/ *European Brewery Convention Analytica – Issued by the EBC Analysis committee*

Trường hợp Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Western Saigon Beer Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*